|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vật liệu** | **Tính chất** | **Ứng dụng** |
| Kim loại | Ánh kim, dẫn điện tốt, dẫn nhiệt tốt, có thể kéo thành sợi và dát mỏng, cứng và bền, có thể bị gỉ. | Làm dây dẫn điện, nồi đun nấu, làm cầu, cống, khung nhà, cửa,… |
| Thủy tinh | Trong suốt, cho ánh sáng đi qua, dẫn nhiệt kém, không dẫn điện, cứng, giòn, dễ vỡ. | Làm bình hoa, chai lọ, cửa kính,… |
| Nhựa | Dẻo, bền, không dẫn điện, dẫn nhiệt kém, không bị ăn mòn, dễ bị biến dạng nhiệt. | Làm bàn ghế, ống dẫn nước, tấm lợp mái,… |
| Gốm, sứ | Không bị ăn mòn, bền, dẫn nhiệt kém, hầu như không dẫn điện, cứng, giòn, dễ vỡ. | Làm chum vại, bát đĩa, bình hoa,… |
| Cao su | Đàn hồi, bền, không dẫn điện, không dẫn nhiệt, không thấm nước, dễ cháy. | Làm lốp xe, gioăng cao su, đệm,… |
| Gỗ | Bền, chịu lực tốt, không dẫn điện, dẫn nhiệt kém dễ tạo hình, dễ cháy, có thể bị mối mọt. | Làm bàn ghế, nhà, khung cửa, tủ, giường,… |

**TÍNH CHẤT CỦA MỘT SỐ VẬT LIỆU THÔNG DỤNG**